

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 989/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N (có mặt)

Địa chỉ thường trú: A, Khu phố W, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: B đường số F, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Công L (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: A, Khu phố W, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà N và ông Phạm Công L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 03/7/2008 tại UBND xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng bà N, ông L chung sống hạnh phúc. Từ năm 2021, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L không tin tưởng bà N, cho rằng bà N không chăm lo cho cuộc sống gia đình và không cho bà N đi làm. Dù cố gắng hàn gắn, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được giải quyết. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ khi bà N dẫn hai con về nhà ngoại ở từ tháng 11/2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà N nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều

có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Công L.

Về con chung: Bà N và ông L có 02 con chung tên Phạm Hoàng Yến Ng (sinh ngày 30/9/2008), Phạm Đăng K (sinh ngày 21/12/2012). Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hai con hiện nay đang sống chung với bà N. Bà N đang làm việc tại bệnh viện Từ Dũ, thu nhập bình quân hàng tháng của bà N (tính cả các khoản lương, thưởng, phụ cấp...) khoảng 26.000.000đồng/tháng nên bà N đủ khả năng và điều kiện nuôi các con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Phạm Công L trình bày:

Ông L và bà N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 03/7/2008 tại UBND xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng ông L, bà N sống cũng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó giữa vợ chồng ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gổ, xúc phạm nhau, đời sống chung không hòa hợp. Dù cố gắng hàn gắn, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được giải quyết. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên ông L đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hoàng Yến Ng (sinh ngày 30/9/2008), Phạm Đăng K (sinh ngày 21/12/2012). Ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến

hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Phạm Công L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 107/CNKH, Quyền số 01/2008 do UBND xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2008 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Căn cứ lời khai của các đương sự thì đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà N, ông L có phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được giải quyết. Hiện tại, bà N, ông L đã sống ly thân được một thời gian và vợ chồng không còn qua lại. Tại Tòa án, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và ông L cũng đồng ý ly hôn với bà N. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà N và ông L đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông L.

[6] Về con chung: Bà N và ông L có 02 con chung tên Phạm Hoàng Yến Ng (sinh ngày 30/9/2008), Phạm Đăng K (sinh ngày 21/12/2012). Bà N và ông L đều yêu cầu được nuôi hai con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Hội đồng xét xử nhận định cháu Ng và cháu K đang sống chung với bà N. Bà N hiện nay có công việc thu nhập ổn định, có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như nguyện vọng của cháu Ng và cháu K, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ng và cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, ông L cũng không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông L cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà N chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Phạm Công L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Hoàng Yến Ng (sinh ngày 30/9/2008), Phạm Đăng K (sinh ngày 21/12/2012) cho bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Phạm Công L cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số AA/2021/0038724 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Tân An Hội, H.Củ Chi;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam